

Bản án số: 106/2023/DS-ST

Ngày: 24 - 8 - 2023

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN CHÂU TỈNH TÂY NINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Xuân Lan

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Thị Amina;
- Ông Tống Đức Hưởng

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Đỗ Tuyết Nhung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Bích Ngọc - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 264/2023/TLST-DS ngày 27 tháng 6 năm 2023 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 127/2023/QĐXXST-DS ngày 25 tháng 7 năm 2023 giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Ông **Lê Thanh T**, sinh năm 1969; địa chỉ: Số 24, hẻm 92 đường CMT 8, khu phố A, phường B, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông **Võ Văn S**, sinh năm 1971; địa chỉ: Khu phố C, phường D, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh (văn bản ủy quyền ngày 20/6/2023); có mặt.

2. **Bị đơn:**

2.1. Ông **Lê Thanh Q**, sinh năm 1968; có mặt.

2.2. Bà **Huỳnh Thị Xuân M**, sinh năm 1968; vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Số 93, tổ 6, ấp H, xã T, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

3. **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Bà **Phan Kiều L**, sinh năm 1968; địa chỉ: Số 24, hẻm 92 đường CMT 8, khu phố A, phường B, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 26 tháng 6 năm 2023 của nguyên đơn, cùng các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là ông Võ Văn S trình bày:

Do có mối quan hệ là anh em với nhau, ông T em ruột ông Lê Thanh Q nên trong giai đoạn từ năm 2012 đến năm 2013, ông T đã đứng ra vay tiền của người khác giúp cho ông Lê Thanh Q để ông Q dùng vào việc mua phân diêm sản xuất nông nghiệp, ông Lê Thanh Q có tổng cộng là 09 ha đất để sản xuất mía, mỳ...cụ thể các lần ông T cho ông Q vay như sau:

- + Lần thứ nhất không nhớ rõ ngày tháng: Số tiền 60.000.000 đồng
- + Lần thứ hai vào ngày 08/6/2012: Số tiền 200.000.000 đồng;
- + Lần thứ ba vào ngày 11/9/2012 (AL): Số tiền 50.000.000 đồng;
- + Lần thứ tư vào ngày 29/12/2012 (AL): Số tiền 200.000.000 đồng;

Tổng cộng là 510.000.000 đồng, khi nhận tiền ông Q đều có ghi giấy mượn tiền và ký tên.

Mỗi lần vay ông Q đều hứa hẹn lên vụ mỳ, mía sẽ trả lại cho ông T. Tuy nhiên, một thời gian sau mới biết ông Q đã bán đất nhưng không thanh toán tiền cho ông T. Nhiều lần, ông T yêu cầu với vợ chồng ông Q trả số tiền đã vay nhưng vợ chồng ông Q cứ hứa hẹn nhưng không thực hiện.

Nay, ông T khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông Q, bà M có trách nhiệm trả cho ông T số tiền cho vay gốc là 510.000.000 đồng (năm trăm mười triệu) đồng, không yêu cầu tính tiền lãi.

Bị đơn - Bà Huỳnh Thị Xuân M đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do, không có văn bản trình bày ý kiến.

Bị đơn – Ông Lê Thanh Q trình bày:

Ông là anh của ông Lê Thanh T. Bà Huỳnh Thị Xuân M là vợ của ông. Vào các năm 2012-2013, ông có vay tiền của ông T về để thuê đất trồng mỳ nhưng do làm ăn thua lỗ nên không có khả năng trả tiền gốc và lãi cho ông T. Khi ông vay tiền của ông T thì vợ chồng ông sống chung với nhau và hiện nay vợ chồng ông vẫn còn sống chung với nhau. Khi vay tiền vợ ông không có biết, đến năm 2013, 2014 ông T đến đòi nợ thì vợ ông mới biết. Khi vay ông có ký tên vào giấy nợ, không có thể chấp tài sản, có thỏa thuận tiền lãi nhưng không nhớ thỏa thuận tiền lãi là bao nhiêu và ngưng đóng lãi khoảng năm 2014 cho đến nay.

Nay, ông T khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông trả số tiền vay 510.000.000 đồng thì ông đồng ý trả cho ông T số tiền vay 255.000.000 đồng (hai trăm năm mươi lăm triệu) đồng vì hiện tại ông nợ nhiều người, không có khả năng trả đủ nên chỉ xin trả $\frac{1}{2}$ của số tiền vay.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – Bà Phan Kiều L trình bày:

Bà là vợ của ông Lê Thanh T. Vào các năm 2012-2013, ông Lê Thanh Q có nhờ vợ chồng bà vay tiền dùm cho ông Q để mua tro, diêm, máy cày sản xuất nông nghiệp. Trong đó, có khoản vay 200.000.000 đồng theo giấy nợ ghi ngày 29/12 (AL), ông Q ghi giấy nợ có nội dung “Tôi Lê Thanh Q có nhờ đưa em thứ ba (Nh) mượn 200.000.000 đồng. Tên thường gọi của bà là Nh nên ông Q mới ghi giấy nợ như vậy.

- *Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh:*

+ Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử, đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự. Những người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, chấp hành tốt Nội quy phiên tòa.

+ Về nội dung vụ án: Căn cứ các Điều 463, 466 Bộ luật Dân sự; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T. Buộc ông Q, bà M có trách nhiệm trả số tiền 510.000.000 đồng. Ghi nhận, ông T không yêu cầu lãi suất.

- Án phí: Ông Q, bà M phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông Lê Thanh T là nguyên đơn vắng mặt, nhưng có người đại diện hợp pháp của ông T có mặt tại phiên tòa; Bà Phan Kiều L là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; Bà Huỳnh Thị Xuân M là bị đơn vắng mặt, đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông T, bà L, bà M.

[2] Về nội dung vụ án: Do có mối quan hệ là anh em với nhau, nên trong thời gian từ năm 2012 đến năm 2013, ông Lê Thanh T đã nhiều lần vay tiền của người khác giúp cho anh trai là ông Lê Thanh Q tổng cộng là 510.000.000 đồng, mục đích vay để mua phân bón, sản xuất nông nghiệp.

Các lần vay, ông Q hẹn thu hoạch vụ mùa sẽ trả, nhưng sau đó, ông Q đã bán hết đất vẫn không thanh toán cho ông T. Ông T đã yêu cầu vợ chồng ông Q trả tiền, nhưng vợ chồng ông Q không trả được nên các bên xảy ra tranh chấp.

Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, ông Q chỉ đồng ý trả ½ số tiền đã vay.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của ông T đối với ông Q, bà M về số tiền vay gốc 510.000.000 đồng, Hội đồng xét xử xét thấy:

Quá trình giải quyết vụ án, ông T có cung cấp chứng cứ là các giấy nợ ngày 29/12 (AL); giấy nợ không rõ ngày tháng, giấy nợ ngày 08/6/2012, giấy nợ ngày 11/9 (AL), thể hiện: Ông Q có nợ tổng số tiền 510.000.000 đồng. Lời khai của ông Q thừa nhận có nợ số tiền trên.

Như vậy, có căn cứ khẳng định ông Q có vay của ông T số tiền 510.000.000 đồng.

Mặc dù khoản vay chỉ có mình ông Q ký xác nhận trong giấy vay nhưng số tiền vay này phát sinh trong giai đoạn hôn nhân của ông Q, bà M, mục đích vay làm kinh tế gia đình, nên là nợ chung của ông Q, bà M. Do đó, yêu cầu của ông T về việc buộc ông Q, bà M trả số tiền vay gốc 510.000.000 đồng là có cơ sở chấp nhận. ông T không yêu cầu tính tiền lãi nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[4] Về án phí: Do yêu cầu của ông T được chấp nhận nên ông Q, bà M phải chịu án phí sơ thẩm tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 463, 466 Bộ luật Dân sự; các Điều 144, 147, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Thanh T đối với ông Lê Thanh Q, bà Huỳnh Thị Xuân M về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Buộc ông Lê Thanh Q, bà Huỳnh Thị Xuân M cùng có nghĩa vụ trả cho ông Lê Thanh T số tiền 510.000.000 (năm trăm mười triệu) đồng. Ghi nhận, ông T không yêu cầu tính lãi.

Kể từ ngày ông Lê Thanh T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Lê Thanh Q, bà Huỳnh Thị Xuân M không trả số tiền nêu trên, thì hàng tháng ông Q, bà M còn phải trả cho ông T số tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

2/ Về án phí:

Ông Lê Thanh Q, bà Huỳnh Thị Xuân M cùng phải chịu 24.400.000 (hai mươi bốn triệu bốn trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Lê Thanh T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả lại cho ông T số tiền 12.200.000 (mười hai triệu hai trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí sơ thẩm ông T đã nộp tại biên lai thu số 0008346 ngày 27/6/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

3/ Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4/ Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh Tây Ninh;
- VKSND H.Tân Châu;
- THA-DS Tân Châu;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, tập án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(ĐÃ KÝ)

Phạm Thị Xuân Lan